

Kĩ năng học tập độc lập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Thị Đỗ Mai*

*ThS. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
Received: 16/9/2024; Accepted: 24/9/2024; Published: 8/10/2024

Abstract: In the context of the 4.0 industrial revolution and globalization trend, students are required to have independent learning skills. This study uses the written survey method to conduct a survey of 298 students of VNU University of Languages and International Studies, to find out the current status of their independent learning skills. Research results show that the status of students' independent learning skills is at an average level, in which students perform best in the group of cognitive skills in learning, and worst in the group of management skills in learning. study. Therefore, VNU University of Languages and International Studies needs to build a system of measures to further develop students' independent learning skills.

Keywords: Skill; Independent learning; Independent learning skillsof student; VNU University of Languages and International Studies.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng toàn cầu hóa, đòi hỏi con người phải học tập suốt đời. Muốn học tập suốt đời người học phải nắm được cách học - kĩ năng (KN) học tập độc lập. Đó là nhân tố quyết định sự phát triển của bản thân người học.

Học ở bậc đại học là học nghề - một nghề ở trình độ cao, kiến thức lúc này là các khoa học, nên đòi hỏi sinh viên không chỉ cần hiểu rộng mà phải hiểu sâu nội dung học tập mà còn phải có KN học tập độc lập để có thể tự cải biến mình, tự đào tạo mình, để trở thành chuyên gia về một nghề, đúng mục tiêu của Chiến lược phát triển giáo dục đại học Việt Nam: “Sinh viên sau khi tốt nghiệp có kiến thức hiện đại, kĩ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, có khả năng lao động sáng tạo, có tư duy độc lập, phê phán và năng lực giải quyết vấn đề, có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động”. [1]

SV Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là những cử nhân trong tương lai, lĩnh vực nghề nghiệp đào tạo, nghiên cứu giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ học, quốc tế học và một số lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có liên quan nhằm phục vụ cộng đồng, xã hội và đất nước, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới... nên đòi hỏi phải có KN học tập độc lập phục vụ không chỉ quá trình học tại Trường mà còn phục vụ quá trình tham gia vào hoạt động nghề nghiệp sau này. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, SV Trường Đại học Ngoại ngữ,

ĐHQGHN còn nhiều hạn chế trong các kĩ năng học tập độc lập. Vì vậy, việc nghiên cứu phát hiện thực trạng biểu hiện KN học tập độc lập của SV làm cơ sở đề xuất một số biện pháp nhằm phát triển kĩ năng học tập độc lập của các em là có ý nghĩa và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí luận về kĩ năng học tập độc lập của sinh viên

2.1.1. Khái niệm kĩ năng, hoạt động học tập độc lập của sinh viên

* Khái niệm kĩ năng: Theo [2], [3], [5], chúng tôi cho rằng: Kĩ năng là sự thực hiện có kết quả một hoạt động hay hành động nào đó, bằng cách lựa chọn, vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu đã xác định.

* Khái niệm hoạt động học tập độc lập của sinh viên:

- Khái niệm học tập độc lập: Theo [6], chúng tôi cho rằng: Học tập độc lập là quá trình người học tự mình định hướng mục tiêu học tập, tự quyết định nội dung, nhiệm vụ, cách thức, môi trường, kế hoạch, nguồn lực học tập và tự nguyện tiến hành các hoạt động học tập mà không phụ thuộc trực tiếp vào người khác hoặc học chế nhất định.

- Khái niệm sinh viên: Theo [2], [4], chúng tôi hiểu: sinh viên là những người đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, có giới hạn về độ tuổi thanh niên từ 17,18 đến 24 tuổi. Họ có sự trưởng thành về mặt cơ thể, tâm lí và xã hội, định hình

về nhân cách, những người đang tích cực học tập rèn luyện để chuẩn bị hoàn thiện tích lũy các kiến thức chuyên môn - nghiệp vụ theo chương trình xác định.

- Khái niệm hoạt động học tập độc lập của sinh viên: Từ khái niệm hoạt động học tập độc lập và khái niệm sinh viên, chúng tôi cho rằng: *Học tập độc lập của sinh viên là quá trình sinh viên tự định hướng mục tiêu học tập, tự quyết định nội dung, nhiệm vụ, cách thức, môi trường, kế hoạch, nguồn lực học tập và tự nguyện tiến hành các hoạt động học tập mà không phụ thuộc trực tiếp vào người khác hoặc học chế nhất định nhằm mục đích có ý thức là chuẩn bị trở thành người chuyên gia phát triển toàn diện, sáng tạo và có trình độ nghiệp vụ cao.*

2.1.2. Kỹ năng học tập độc lập của sinh viên

Từ khái niệm kỹ năng, khái niệm hoạt động học tập độc lập của sinh viên, chúng tôi hiểu: *Kỹ năng học tập độc lập của sinh viên là sự vận dụng những tri thức, kinh nghiệm đã được lĩnh hội vào thực hiện các hành động học tập độc lập (tự định hướng mục tiêu học tập, tự quyết định nội dung, nhiệm vụ, cách thức, môi trường, kế hoạch, nguồn lực học tập) một cách hiệu quả nhằm đạt mục đích chuẩn bị trở thành người chuyên gia phát triển toàn diện, sáng tạo và có trình độ nghiệp vụ cao trong những điều kiện nhất định mà không phụ thuộc vào người khác hoặc học chế nhất định.*

Kỹ năng học tập độc lập của sinh viên được biểu hiện như sau [6], [7]:

- Nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập gồm: Kỹ năng tìm kiếm, khai thác các nguồn học tập (thông tin, tư liệu, tài liệu, các dạng học liệu khác); Kỹ năng xử lý, tổ chức, đánh giá thông tin học tập; Kỹ năng lưu trữ, ghi nhớ và sử dụng thông tin.

- Nhóm kỹ năng giao tiếp trong học tập gồm: Kỹ năng biểu đạt; Kỹ năng hợp tác, tương tác; Kỹ năng giao tiếp đặc biệt và từ xa nhờ công nghệ viễn thông và kỹ thuật số hiện đại.

- Nhóm kỹ năng quản lý học tập gồm: Kỹ năng quản lý thời gian học tập; Kỹ năng quản lý môi trường và các phương tiện học tập; Kỹ năng quản lý trạng thái và hành vi học tập của bản thân.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và khách thể nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được chúng tôi sử dụng là phương pháp điều tra viết. Các câu hỏi được thiết kế với thang điểm Likert ba điểm, giá trị khoảng cách = (Tối đa - Tối thiểu) / n = (3-1) / 3 = 0,67. Cùng với điểm trung bình (ĐTB) trả lời các câu hỏi, ý

nghĩa của các thang đo được định nghĩa là: Mức cao ($2.35 \leq \text{ĐTB} \leq 3$); Mức trung bình ($1.68 \leq \text{ĐTB} \leq 2.34$); Nhận thức mức thấp ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 1.67$).

2.2.2. Khách thể nghiên cứu

Chúng tôi thực hiện khảo sát 258 SV của đang theo nhiều chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

2.3. Thực trạng kỹ năng học tập độc lập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Kết quả đánh giá chung về thực trạng kỹ năng học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 2.1. Thực trạng kỹ năng học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

STT	Biểu hiện kỹ năng học tập của SV	ĐTB	Mức
1	Nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập	2.32	Trung bình
2	Nhóm kỹ năng giao tiếp trong học tập	2.31	Trung bình
3	Nhóm kỹ năng quản lý học tập	2.20	Trung bình
	Chung	2.28	Trung bình

Bảng trên cho thấy, thực trạng kỹ năng học tập độc lập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ở mức trung bình (ĐTB = 2.28). Trong đó, SV thực hiện tốt nhất ở nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập (ĐTB = 2.32), tiếp đến là nhóm kỹ năng giao tiếp trong học tập (ĐTB = 2.31) và thấp nhất ở nhóm kỹ năng quản lý học tập (ĐTB = 2.20). Điều này có nghĩa kỹ năng học tập độc lập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN có nhiều điểm mạnh nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng hệ thống biện pháp nhằm phát triển mạnh hơn nữa kỹ năng học tập độc lập của SV Học viện.

2.3.2. Đánh giá thực trạng mức độ các biểu hiện cụ thể của kỹ năng học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

1. Thực trạng nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Kết quả thực trạng nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2.2: Thực trạng nhóm kỹ năng nhận thức trong học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Biểu hiện	Thuần thực (%)	Chưa thuần thực (%)	Không biết cách (%)	ĐTB	Mức

Kĩ năng tìm kiếm, khai thác các nguồn học tập (thông tin, tư liệu, tài liệu, các dạng học liệu khác);	60.14	33.11	16.75	2.39	Cao
Kĩ năng xử lí, tổ chức, đánh giá thông tin học tập;	52.91	37.30	19.79	2.30	Trung bình
Kĩ năng lưu trữ, ghi nhớ và sử dụng thông tin	52.91	34.64	22.46	2.28	Trung bình
Chung				2.32	Trung bình

Theo kết quả bảng 2.2, thực trạng nhóm kĩ năng nhận thức trong học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ở mức trung bình (ĐTB=2.32). Nhóm kĩ năng nhận thức trong học tập của SV biểu hiện ở nhiều khía cạnh và với mức độ khác nhau. Cụ thể: SV có kĩ năng tìm kiếm, khai thác các nguồn học tập (thông tin, tư liệu, tài liệu, các dạng học liệu khác) ở mức tốt nhất (ĐTB= 2.39), tiếp đến là kĩ năng xử lí, tổ chức, đánh giá thông tin học tập(ĐTB=2.30) và thấp nhất là kĩ năng lưu trữ, ghi nhớ và sử dụng thông tin(ĐTB=2.28). Tuy nhiên, sự khác biệt này là không có ý nghĩa (Sig = 0.119).

2. Thực trạng nhóm kĩ năng giao tiếp trong học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Thực trạng nhóm kĩ năng giao tiếp trong học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN được thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3: Thực trạng nhóm kĩ năng giao tiếp trong học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Biểu hiện	Thuần thực (%)	Chưa thuần thực (%)	Không biết cách (%)	ĐTB	Mức
Kĩ năng biểu đạt;	52.91	36.54	20.55	2.29	Trung bình
Kĩ năng hợp tác, tương tác;	53.67	32.35	23.98	2.27	Trung bình
Kĩ năng giao tiếp đặc biệt và từ xa nhờ công nghệ viễn thông và kĩ thuật số hiện đại.	57.85	34.64	17.51	2.37	Cao
Chung				2.31	Trung bình

Kết quả cho thấy, thực trạng nhóm kĩ năng giao tiếp trong học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ở mức độ trung bình (ĐTB = 2.31). Trong đó, SV có kĩ năng giao tiếp đặc biệt và từ xa nhờ công nghệ viễn thông và kĩ thuật số hiện đại là tốt nhất (ĐTB=2.37), tiếp đến là kĩ năng biểu đạt (ĐTB = 2.29) và kĩ năng hợp tác, tương tác là kém nhất (ĐTB=2.27). Tuy nhiên, sự khác biệt này là không có ý nghĩa (Sig = 0.126). Cách mạng công nghiệp 4.0

với đặc trưng internet kết nối toàn cầu giúp SV hiện nay có khả năng sử dụng các công nghệ thông tin và truyền thông trong giao tiếp khá thành thạo nhưng hạn chế khá nhiều ở việc hợp tác, tương tác trong giao tiếp trực tiếp với các cá nhân khác.

3. Thực trạng nhóm kĩ năng quản lí học tập của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng nhóm kĩ năng quản lí học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ở mức độ trung bình (ĐTB = 2.20). Trong đó, SV thực hiện tốt nhất ở kĩ năng quản lí môi trường và các phương tiện học tập (ĐTB=2.24), tiếp đến là kĩ năng quản lí thời gian học tập (ĐTB = 2.21) và SV thực hiện kém hơn ở kĩ năng quản lí trạng thái và hành vi học tập của bản thân (ĐTB = 2.15).

3. Kết luận

Nhìn chung, thực trạng kĩ năng học tập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ở mức trung bình (ĐTB = 2.28), trong đó, SV thực hiện tốt nhất ở nhóm kĩ năng nhận thức trong học tập, tiếp đến là nhóm kĩ năng giao tiếp trong học tập và thấp nhất là nhóm kĩ năng quản lí trong học tập. Điều này có nghĩa kĩ năng học tập độc lập của SV Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN thể hiện còn nhiều hạn chế nên cần thiết phải xây dựng hệ thống biện pháp nhằm phát triển mạnh hơn nữa kĩ năng học tập của SV.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011- 2020 (ban hành kèm theo Quyết định 711/QĐ - TTg, ngày 13 tháng 6 năm 2012*. Hà Nội
- [2] Kixêgôp X.I (1973), *Hình thành các kĩ năng, kĩ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện nền giáo dục đại học* (Vũ Năng Tĩnh dịch – Bản chép tay) – Tư liệu thư viện trường đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Giáo trình Tâm lí học Đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [4] Lê Văn Hồng (chủ biên) (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Trần Quốc Thành (1993), “*Kĩ năng học tập của sinh viên sư phạm trong điều kiện học theo chế độ môn học*”, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục số 12 , tr.21- 22.
- [6] Đặng Thành Hưng (2014), “*Bản chất và điều kiện của việc tự học*”, *Tạp chí khoa học giáo dục* số 78 tháng 3, tr. 4-7,21
- [7] Đặng Thành Hưng (2004), “*Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại*”, *Tạp chí Giáo dục*, số 78, tr. 25-27